

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Ngọk Bay

Thực hiện Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Thông báo số 537/TB-UBND, ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trần Phước Hiền tại cuộc họp nghe và cho ý kiến về ứng dụng AI và giải pháp chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND, ngày 04/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030. Ủy ban nhân dân xã Ngọk Bay ban hành¹ Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM.

- Bám sát Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, bảo đảm đồng bộ với kiến trúc chính quyền số của tỉnh Quảng Ngãi.
- Lấy hiệu quả phục vụ người dân làm thước đo; tránh hình thức, chạy theo chỉ tiêu.
- Triển khai theo lộ trình phù hợp điều kiện xã miền núi, ưu tiên các nhiệm vụ thiết thực, khả thi.
- Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong suốt quá trình chuyển đổi số.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

¹. Tham mưu của phòng Văn hóa - Xã hội tại Công văn số 172/CV-VHXXH, ngày 09/02/2026.

3. Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 10/10/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình “Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030;

4. Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ;

5. Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ

6. Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

7. Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

8. Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

9. Kế hoạch hành động số 17-KH/ĐU ngày 10/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

10. Kế hoạch số 38/KH-UBND, ngày 04/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

III. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu tổng quát: Tổ chức triển khai chuyển đổi số xã Ngọc Bay một cách toàn diện, thực chất, hiệu quả; lấy người dân làm trung tâm, dữ liệu làm nền tảng, công nghệ số làm động lực; góp phần xây dựng chính quyền số hoạt động thông suốt, minh bạch; thúc đẩy phát triển kinh tế số nông thôn, xã hội số; nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy và phát triển bền vững giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động:

2.1.1. Cung cấp dịch vụ số:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình.
- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.
- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả, tốc độ và chất lượng phục vụ.
- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

2.1.2. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu:

** Giai đoạn 2026-2027:*

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành trung ương triển khai đến cấp tỉnh, cấp xã được triển khai theo đúng kế hoạch trên địa bàn xã.
- 100% hồ sơ công việc của xã được xử lý trên môi trường điện tử (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.
- 100% chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho xã được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên địa bàn xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số trên địa bàn xã phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 5%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.

- Phần đầu 20% doanh nghiệp trên địa bàn xã sử dụng hợp đồng điện tử.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.
- Phấn đấu 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số:

** Giai đoạn 2026 - 2027:*

- Tối thiểu 50% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tối thiểu 30% dân số trưởng thành trên địa bàn xã có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.
- Tối thiểu 50% người dân trên địa bàn xã biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 85% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 60%.
- Trên 50% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 85% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

** Giai đoạn 2028 - 2030:*

- Tối thiểu 80% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn xã có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.
- Tối thiểu 80% người dân trên địa bàn xã có Sổ sức khỏe điện tử.
- Tối thiểu 95% người dân trên địa bàn tỉnh biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn xã đạt 90%.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; phủ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục 1, 2 kèm theo Kế hoạch này)

IV. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.

1. Hoàn thiện thể chế:

- Rà soát, ban hành và cập nhật các quy chế, quy định nội bộ của Ủy ban nhân dân xã liên quan đến quản lý, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương và tỉnh Quảng Ngãi.

- Ban hành quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phân quyền truy cập, khai thác dữ liệu số phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm của xã; gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân xã với các cơ quan chuyên môn cấp trên, các doanh nghiệp viễn thông - công nghệ số trong triển khai, duy trì, khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung.

- Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện thể chế, cơ chế chuyển đổi số; kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn triển khai tại xã.

2. Phát triển Hạ tầng số và Dữ liệu số:

- Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin của xã.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước theo hướng thống nhất, dùng chung cho toàn bộ hệ thống chính trị của xã, phục vụ gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ Mật, tối Mật, đảm bảo liên thông và đồng bộ dữ liệu với các nền tảng và ứng dụng dùng chung của tỉnh.

- Cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục kết nối chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

3. Phát triển chính quyền số:

- Tổ chức triển khai kịp thời và hiệu quả các nền tảng số phục vụ phát triển Chính phủ số do Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương triển khai đến xã.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện; Số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính; dữ liệu số hóa được khai thác, sử dụng lại trong giải quyết thủ tục hành chính và quản lý nhà nước.

- Thực hiện hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, sử dụng chữ ký số cá nhân; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo; xây dựng phần mềm theo dõi nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên môi trường số.

- Phối hợp triển khai và khai thác ứng dụng AI hoặc công cụ hỗ trợ thông minh do tỉnh, Trung ương cung cấp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân xã.

- Tổ chức đào tạo kỹ năng số cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức; cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tham gia đào tạo quản trị dữ liệu, an toàn thông tin theo kế hoạch cấp trên.

4. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số:

- Hình thành các mô hình truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử cho nông sản.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về giao dịch thanh toán dịch vụ công và thương mại điện tử trên địa bàn thực hiện qua phương thức không tiền mặt.

- Xây dựng, phổ biến, triển khai các chính sách khuyến khích người dân cài đặt và sử dụng các ứng dụng tương tác với chính quyền.

- Tổ chức các lớp hướng dẫn cho thanh niên, phụ nữ và nông dân sử dụng định danh điện tử VneID trong giải quyết thủ tục hành chính.

5. An toàn thông tin:

- Tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong cơ quan nhà nước theo Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân. Triển khai hướng dẫn kỹ thuật về lưu trữ, xử lý, chia sẻ và kiểm soát truy cập dữ liệu cá nhân trong các nền tảng và hệ thống thông tin.

- Triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt đối với hệ thống thông tin của xã.

6. Phát triển nhân lực số:

- Xây dựng chương trình tập huấn riêng cho đội ngũ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền về tư duy chiến lược và kỹ năng quản lý trong môi trường số.

- Phổ biến, triển khai cung cấp học liệu để đào tạo, phổ cập kỹ năng số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho các đối tượng trên Nền tảng Bình dân học vụ số. Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; triển khai thực chất, hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực cho các thành viên tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các trường học trên địa bàn xã thông qua việc kết nối bằng thông rộng và tích hợp các tiết học ngoại khóa về kỹ năng lập

trình cơ bản, tư duy số cho học sinh. Khuyến khích Đoàn thanh niên xã thành lập các câu lạc bộ hỗ trợ chuyển đổi số, làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ người cao tuổi và người dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ hợp pháp khác.

2. Hằng năm bảo đảm bố trí ngân sách xã cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số phù hợp với chỉ tiêu quy định theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Các phòng, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ.

- Triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung do các bộ ngành Trung ương, tỉnh triển khai đến cấp xã theo ngành, lĩnh vực phụ trách bảo đảm hiệu quả và phù hợp với tình hình của xã.

- Thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ thủ tục hành chính để đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hướng tới toàn trình.

- Triển khai rà soát, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; rà soát, đơn giản hóa các chế độ báo cáo, cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu. Triển khai các chính sách, quy định của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và của tỉnh về khuyến khích người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch này để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; tăng cường thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đầu tư theo phương thức đối tác công tư để phát triển Chính quyền số; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ hằng năm (*trước ngày 10/11*) báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này gửi về Ủy ban nhân dân xã (*qua phòng Văn hoá - Xã hội xã*).

2. Phòng Văn hoá - Xã hội:

- Chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch này, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc

tổng hợp tình hình triển khai các nhiệm vụ của các cơ quan liên quan; định kỳ trước 15/11 hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân xã tình hình triển khai Kế hoạch.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân xã kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác chuyển đổi số. Đồng thời, đề xuất, báo cáo xem xét, xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm, gây ảnh hưởng đến mục tiêu chung của Kế hoạch.

- Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

3. Phòng Kinh tế:

Trên cơ sở nhu cầu của các phòng, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã:

- Tham mưu triển khai các nội dung liên quan đến chuyển đổi số, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của xã, đồng thời đôn đốc các phòng, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Nâng cao vai trò giám sát, đôn đốc các phòng, đơn vị trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã:

Phối hợp với các phòng, đơn vị thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, Chính quyền số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

6. Ban Nhân dân các thôn; các Tổ công nghệ số cộng đồng:

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương; Kế hoạch hành động số 05-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Ngãi; Kế hoạch hành động số 17-KH/ĐU của Đảng ủy xã Ngọc Bay và Kế hoạch này đến đảng viên, đoàn thể, quần chúng tại các khu dân cư.

- Tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng Nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các thành tựu khoa học công nghệ, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong lĩnh vực phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với các phòng, ban, đơn vị, các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho người dân, hộ kinh doanh,... trên địa bàn.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã:

Tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc triển khai các dịch vụ công, đảm bảo minh bạch, thuận lợi cho người dân. Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

8. Đề nghị các doanh nghiệp Công nghệ số, doanh nghiệp Viễn thông: Căn cứ vào nội dung, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, chủ động xây dựng các nội dung triển khai, phối hợp, đồng hành với các cơ quan, đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Ngọc Bay; đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT. UBND xã;
- Như Mục VI;
- CVP, PCVP HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hải An